

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 10-3-2022  
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Nam

Bà Trần Thị Hồng Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 9, ấp 1, xã H, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Khắc V, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Khắc V kết hôn với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 22/7/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12/2016, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Vũ nghiện ma túy, không lo cho gia đình, hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh Vũ, quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ.

Về con chung: Tôi và anh Vũ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/8/2016; con chung hiện đang do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Vũ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Khắc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị K.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Khắc V.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/8/2016 cho bà Lê Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Nguyễn Khắc V không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà K phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Khắc V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông V.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Khắc V tự nguyện kết hôn, được UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 22/7/2016. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, xác định hôn nhân giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Khắc V là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông V là trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng trong cuộc sống; hai người đã sống ly thân. Bà K xác định không còn tình cảm với ông V và yêu cầu xin ly hôn với ông V.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (xã B, huyện Long Thành) về việc cư trú của ông V và tình trạng hôn nhân của bà K, ông V, kết quả như sau: Ông Nguyễn Khắc V hiện đang thường trú tại ấp 3, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Về mâu thuẫn vợ chồng bà K, ông V thì địa phương không rõ. Tuy nhiên hiện nay bà K và ông V không còn chung sống với nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông V không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà K nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông V không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Khắc V.

### [3.2] Về con chung:

Bà K và ông V có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/8/2016, hiện nay con chung đang do bà K nuôi dưỡng. Theo lời khai của bà K và xác nhận của chính quyền địa phương thì hiện nay bà K đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông Nguyễn Khắc V không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung, từ đó cho thấy ông V không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có nguyện vọng nuôi con chung. Do vậy có cơ sở nào để giao con chung cho bà K nuôi dưỡng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cháu Nguyễn Ngọc T cho bà K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu, nên tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định không có tài sản chung và nợ chung. Mặt khác do chưa có lời khai của ông Nguyễn Khắc V, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Khắc V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc T – sinh ngày 30/8/2016 cho bà Lê Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Khắc V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này.

Tạm thời ông Nguyễn Khắc V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà K đã nộp, theo Biên lai thu số 0005196 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà K phải chịu. Bà K đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**

